

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Liêm

2. Ông Bùi Hữu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Hồng Nh, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 16/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Trịnh Hồng Nh trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quốc V tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, tỉnh Cà Mau vào ngày 08/3/2007. Thời gian đầu chị và anh V chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây hay phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay cãi vã, hai bên gia đình có hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, đến khoảng tháng 08/2020 chị và anh V sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy mục đích hôn nhân

không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Quốc V có 02 (hai) người con chung, gồm: Cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 22/12/2007 và cháu Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 10/3/2018, hiện các con đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu H và cháu Th, không yêu cầu anh Nguyễn Quốc V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Quốc V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Quốc V được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà anh V không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Nh. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa; tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định tạm ngừng phiên tòa nhưng chỉ có nguyên đơn là chị Trịnh Hồng Nh có mặt theo triệu tập của Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Quốc V vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được cũng như nghe ý kiến của anh V về yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị Nh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa chị Trịnh Hồng Nh và anh Nguyễn Quốc V là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, nuôi con”, bị đơn có nơi cư trú tại ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định tạm ngừng phiên tòa nhưng bị đơn là anh Nguyễn Quốc V vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Hồng Nh và anh Nguyễn Quốc V tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, tỉnh Cà Mau cấp ngày 08/3/2007 nên có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nh và anh V là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Theo trình bày của chị Trịnh Hồng Nh thì trong quá trình chung sống chị Nh và anh V thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay cãi vã, hai bên gia đình có hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, chị và anh V sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay, xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị Nh yêu cầu ly hôn với anh V. Đối với anh Nguyễn Quốc V trong quá trình tố tụng, anh V không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị Nh; như vậy anh V đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân đối với chị Nh. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Trịnh Hồng Nh và anh Nguyễn Quốc V không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đã sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay và không còn muốn hàn gắn cuộc hôn nhân. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Nh là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Trịnh Hồng Nh và anh Nguyễn Quốc V có 02 (hai) người con chung, gồm: Cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 22/12/2007 và cháu Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 10/3/2018, hiện các con đang sống cùng với chị Nh. Sau khi ly hôn, chị Nh yêu cầu được nuôi cháu H và cháu Th, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, xét thấy cháu Nguyễn Quốc H có nguyện vọng được sống với chị Nh (tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu H ngày 11/8/2020), cháu Th còn nhỏ (chưa đủ 36 tháng tuổi) và các cháu hiện đang sống ổn định với chị Nh nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H và cháu Th cho chị Nh nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 227, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Hồng Nh. Chị Trịnh Hồng Nh được ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

2. Về con chung: Giao con tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 22/12/2007 và con tên Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 10/3/2018 cho chị Trịnh Hồng Nh nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu H và cháu Th đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Quốc V không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Quốc V không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Trịnh Hồng Nh.

3. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Trịnh Hồng Nh phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị Nh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005501 ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Chị Trịnh Hồng Nh được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Quốc V vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Ph, huyện C, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Ngọc Huyền